

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo,
chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026
trên địa bàn xã Na Rì**

Căn cứ Đề án số 22-ĐA/TU, ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 (sau đây viết tắt là Đề án 22-ĐA/TU); Kế hoạch số 41-KH/TU, ngày 15/01/2026 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026 (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 41-KH/TU); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Na Rì lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 -2030; Kế hoạch số 76-KH/ĐU ngày 28/01/2026 của Đảng ủy xã Na Rì về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Na Rì.

Ban Thường vụ Đảng ủy xã Na Rì ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU, năm 2026 trên địa bàn xã Na Rì như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án số 22-ĐA/TU và Kế hoạch số 41-TU/TU của Tỉnh ủy, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, theo hướng 5 rõ “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian” để thúc đẩy, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ năm đầu triển khai Đề án 22-ĐA/TU trên địa bàn xã.

Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời huy động sự tham gia, vào cuộc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các đoàn thể và toàn xã hội trong thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

Gắn mục tiêu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên; phù hợp với

chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và điều kiện thực tiễn của địa phương. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải rõ trọng tâm, trọng điểm, khả thi, có lộ trình thực hiện cụ thể; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan và sự tham gia của Nhân dân. Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra của Đề án 22-ĐA/TU và Kế hoạch số 41-KH/TU theo phương châm: “Hành động đột phá, lan tỏa kết quả”; chuyển từ giai đoạn “Khởi động, chạy đà” sang giai đoạn “tăng tốc”; chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ báo cáo tiến độ sang báo cáo hiệu quả; từ “có làm” sang “làm đến nơi đến chốn”¹. Qua đó thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã phát triển mạnh mẽ.

2. Mục tiêu cụ thể

(1) *Về phát triển hạ tầng*: Phân đầu tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã đạt khoảng 70%; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 96%; bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã: 100% cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

(2) *Về phát triển nguồn lực*: Phân đầu bố trí, lồng ghép nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo định hướng, chỉ tiêu chung của tỉnh; 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng số, làm chủ kỹ năng số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành; 80% dân số trưởng thành trên địa bàn xã được tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

(3) *Về phát triển khoa học, công nghệ*: Đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống Nhân dân trên địa bàn xã; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, quản lý môi trường, du lịch và xây dựng nông thôn mới; phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn áp dụng các quy trình, công nghệ mới, công nghệ cao phù hợp vào sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trên địa bàn xã trong việc đăng ký, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp trên giao, bảo đảm việc áp dụng kết quả khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

¹Theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(4) *Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*: Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã; khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng các ý tưởng, mô hình, giải pháp mới trong sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, đổi mới quy trình sản xuất, phương thức quản lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động; phối hợp triển khai các chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo do cấp trên tổ chức; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các mô hình đổi mới sáng tạo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

(5) *Về phát triển chuyển đổi số*: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của chính quyền xã; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã được tiếp nhận, giải quyết trên môi trường điện tử, bảo đảm nguyên tắc phi địa giới hành chính; tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 95%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%; tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính cấp xã đạt 70%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%; tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%; phần đầu cấp tài khoản định danh điện tử (VN eID) cho công dân có đủ điều kiện đạt 100%.

(6) *Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng*: Bảo đảm an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu trên địa bàn xã; 100% hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; 100% hệ thống thông tin quan trọng được triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp; 100% hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng và được kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, các tổ chức đảng ở xã đối với công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ, kết quả phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác. Trực tiếp quán xuyến, chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả, đồng thời đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ.

1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Đề án 22-ĐA/TU; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hệ thống các văn bản có liên quan trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. Phát huy vai trò điều phối liên ngành của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, bộ phận, cá nhân có liên quan.

1.4. Các cơ quan, đơn vị, bộ phận thuộc xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, đặc thù, tiềm năng và thế mạnh của địa phương để lựa chọn, xác định mô hình phát triển phù hợp, tổ chức triển khai thực hiện theo hai hướng song song: (i) Tập trung vào phát huy lợi thế đặc thù, khai phá tiềm năng và củng cố thế mạnh của xã; (ii) Chủ động nghiên cứu, đề xuất và tham gia triển khai các mô hình, giải pháp mở rộng không gian phát triển, tạo động lực tăng trưởng mới của địa phương theo định hướng chung của tỉnh. Việc triển khai thực hiện bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã, trên cơ sở tiếp cận và từng bước áp dụng nguyên tắc “AI First” trong các hoạt động quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công.

1.5. Tăng cường chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển các ứng dụng, nền tảng, sản phẩm số cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách

2.1. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát các quy định của pháp luật, kiến nghị với cấp có thẩm quyền trong việc hoàn thiện thể chế về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

2.2. Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền của địa phương về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính.

2.3. Kịp thời thực hiện hiệu quả các nội dung do cấp trên chỉ đạo: Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2.4. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2.5. Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Triển khai cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra theo quy định.

2.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân,

doanh nghiệp, tổ chức hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tập trung triển khai các giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo và các lĩnh vực có năng suất, giá trị gia tăng cao dựa trên ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chú trọng phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương. Tập trung thực hiện hiệu quả chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao.

3.3. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc).

3.4. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm có lợi thế, tiềm năng của xã. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực: Tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp...

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Đầu tư phát triển hạ tầng số của xã, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; làm nền tảng thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

4.2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số tại các khu vực như khu hành chính tập trung, khu trung tâm xã..., bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ. Thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

4.3. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang). Nâng cấp, mở rộng đường truyền tốc độ cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, cơ sở y tế, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

4.4. Đưa các hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

5. Triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai hiệu quả, đồng bộ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua hệ thống trang thông tin điện tử.

5.2. Xây dựng, phát triển các nền tảng, ứng dụng số phục vụ công tác điều

hành trực tuyến dựa trên dữ liệu để phục vụ cho hoạt động phát triển Chính quyền số như: tạo lập kênh tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền và thực hiện các giải pháp bảo vệ thông tin cá nhân của người dân, doanh nghiệp; triển khai các giải pháp kỹ thuật để thực hiện việc tiếp dân trực tuyến theo quy định và đăng ký lịch trực tuyến trên các nền tảng ứng dụng (C-Thainguyen).

5.3. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác xây dựng báo cáo góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

6. Phát triển nguồn nhân lực

6.1. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6.2. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục tuyên truyền, triển khai các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số,...trên nền tảng “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, người dân, doanh nghiệp.

6.3. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân.

6.4. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

6.5. Duy trì, nâng cao vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, các đội hình tình nguyện trong công tác hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cài đặt các ứng dụng phục vụ công tác chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, an ninh mạng: Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp trên về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong quá trình triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu sử dụng tại UBND xã.

7.2. Bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân: Thực hiện phân loại, quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu theo quy định; kiểm soát chặt chẽ quyền truy cập đối với các hệ thống thông tin, nhất là dữ liệu liên quan đến người dân; không để xảy ra lộ, lọt thông tin.

7.3. Phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm trên không gian mạng: Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm

pháp luật trên không gian mạng; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa tội phạm công nghệ cao.

IV. CHI TIẾT CÁC NHIỆM VỤ (Tại Phụ lục kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, đồng thời lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh theo các chương trình, dự án, nhiệm vụ được giao.

Huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân trên địa bàn xã và các nguồn tài trợ, hỗ trợ theo quy định của pháp luật để tham gia triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2026; phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan; có phương án đảm bảo nguồn lực để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Văn phòng Đảng ủy) kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

3. Giao Văn phòng Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp các nội dung, vấn đề quan trọng, phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng quý báo cáo kết quả với Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026 trên địa bàn xã Na Rì.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Đảng ủy,
- HĐND, UBND xã,
- Các đồng chí Ủy viên BTV Đảng ủy,
- Các TVBCĐ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã,
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nông Văn Nguyễn



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 78-KH/ĐU ngày 28/01/2026 của Đảng ủy xã Na Rì)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Phát triển hạ tầng			
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã.	%	70	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	%	96	Phòng Văn hóa - Xã hội
3	Bảo đảm hạ tầng internet cáp quang đến các thôn.	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội
II	Phát triển nguồn lực			
5	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
6	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	100	Phòng Văn hóa - Xã hội
7	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	80	Các cơ quan, đơn vị
III	Phát triển chuyển đổi số			
8	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	95	Trung tâm Phục vụ hành chính công
9	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
11	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
12	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	90	Trung tâm Phục vụ hành chính công
13	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Trung tâm Phục vụ hành chính công
14	Cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện.	%	100	Công an xã
IV	Về an toàn, an ninh mạng			
15	Hệ thống thông tin các cơ quan đảm bảo ATTT theo cấp độ	%	100	Công an xã
16	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng và được kiểm tra, đánh giá thường xuyên	%	100	Công an xã